VNU Journal of Foreign Studies

Journal homepage: https://jfs.ulis.vnu.edu.vn/

INTERNATIONAL COOPERATION ON HUMAN TRAFFICKING IN SOME COUNTRIES IN SOUTHEAST ASIA

Chu Thanh Van*

Faculty of English Language and Culture, VNU University of Languages and International Studies, No.2 Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Received 19 August 2024
Revised 13 September 2024; Accepted 18 April 2025

Abstract: Illegal transportation of people across borders (also known briefly as human trafficking) is considered one of the hottest social security issues in the Southeast Asia, negatively affecting Vietnam and some neighboring countries. Over the past decade (2013-2023), Vietnam has made efforts to upgrade and progress in international cooperation with relevant countries in the region on combating human trafficking. Using mainly document research methods, along with synthesizing and analyzing data taken from reports or articles on the same topic in previous articles and primary data from related government agencies, this article examines the current situation, causes, and efforts in international cooperation to prevent human trafficking in certain countries in the Southeast Asia, especially the ones around Vietnam. From the conclusions drawn from the practice and preliminary results of research on these collaborative efforts, the author makes some recommendations for current and future collaborative projects in this field in the region, hoping that the further projects of the same type can bring more positive results, contributing to ensuring social security within Vietnam and in neighboring countries, and at the same time, promoting the effectiveness and expansion of Vietnam's international cooperation with the region in other non-traditional security issues.

Keywords: human trafficking, illegal transportation of people across borders, international cooperation, ASEAN countries, Vietnam

* Corresponding author.
Email address: chuthanhvan1979@gmail.com
https://doi.org/10.63023/2525-2445/jfs.ulis.5387

HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ PHÒNG CHỐNG MUA BÁN NGƯỜI TẠI MỘT SỐ NƯỚC KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

Chu Thanh Vân

Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội,
Số 2 Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài ngày 19 tháng 8 năm 2024
Chỉnh sửa ngày 13 tháng 9 năm 2024; Chấp nhận đăng ngày 18 tháng 4 năm 2025

Tóm tắt: Vận chuyển người trái phép qua biên giới (hay còn được gọi ngắn gọn là mua bán người) được coi là một trong những vấn đề an ninh xã hội nóng bỏng nhất ở khu vực Đông Nam Á, ảnh hưởng tiêu cực đến Việt Nam và một số quốc gia láng giềng. Trong thập kỷ qua (2013-2023), Việt Nam đã nỗ lực nâng cấp và tiến bộ trong hợp tác quốc tế với các nước liên quan trong khu vực về chống mua bán người. Sử dụng các phương pháp chủ yếu là nghiên cứu tài liệu, cùng với việc tổng hợp và phân tích dữ liệu lấy từ các báo cáo hoặc bài viết cùng chủ đề trong các bài báo trước và dữ liệu sơ cấp từ các cơ quan chính phủ có liên quan, bài viết này[°] xem xét thực trạng, nguyên nhân, và các nỗ lực trong hợp tác quốc tế phòng chống nạn mua bán người tại khu vực Đông Nam Á, đặc biệt là khu vực Việt Nam và một số quốc gia láng giềng. Kết luận rút ra từ thực tiễn và kết quả sơ bộ của nghiên cứu, tác giả đưa ra một số khuyến nghị để các dự án hợp tác hiện tại và trong tương lai (nếu có) ở lĩnh vực này có thể đem lại những kết quả tích cực hơn, góp phần đảm bảo an ninh xã hội trong nội bộ Việt Nam và ở các quốc gia lân cận; đồng thời thúc đẩy tính hiệu quả và sự mở rộng hợp tác quốc tế của Việt Nam với khu vực trong các vấn đề mang tính an ninh phi truyền thống khác.

Từ khóa: mua bán người, vận chuyển người trái phép qua biên giới, hợp tác quốc tế, các nước ASEAN, Việt Nam

1. Giới thiệu vấn đề

Mua bán người luôn là một chủ đề thu hút sự chú ý của đông đảo các nhà nghiên cứu, những người hoạt động xã hội và cả các chính trị gia vì nó liên quan trực tiếp đến an sinh xã hội và là một trong các vấn đề toàn cầu thuộc phạm trù nghiên cứu lớn hơn trong quan hệ quốc tế là các vấn đề an ninh phi truyền thống. Đây cũng là một vấn đề nghiên cứu thú vị vì nó giống như cầu nối giữa hai trường phái tư tưởng tưởng như đối chọi nhau trong lý giải và tiếp cận các mối quan hệ quốc tế - Chủ nghĩa Hiện thực và Chủ nghĩa Tự do. Một mặt, "an ninh", mà cụ thể là "an ninh phi truyền thống" trong phạm vi bài viết này, là khái niệm quan trọng hàng đầu trong hệ khái niệm và giá trị cũng như các thang đo mà Chủ nghĩa Hiện thực tập trung lý giải, xây dựng và phát triển. Trong khi đó, để giải quyết các vấn đề toàn cầu như mua bán người, chống biến đổi khí hậu, tội phạm hoặc an ninh mạng… lại đòi hỏi sự hợp tác quốc tế vì những vấn đề này thường diễn ra trên quy mô lớn, ảnh hưởng đến nhiều quốc gia và vì thế đòi hỏi phải có sự hợp tác giữa các quốc gia bị ảnh hưởng mới giải quyết triệt để được. Chủ nghĩa Tự do nhấn mạnh và tập trung vào những hợp tác quốc tế như thế này để bảo vệ, duy trì và phục vụ các giá trị cũng như quyền con người, góp phần ổn định an ninh xã hội, hướng đến một môi trường lành mạnh cho con người phát triển. Mặc dù trong Chủ nghĩa Hiện thực cũng có yếu tố hợp tác, nhưng thường sự hợp tác đó dựa trên yếu tố kết đồng minh nhằm đảm bảo, duy trì và

[°] Nghiên cứu này được hoàn thành với sự hỗ trợ của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội trong khuôn khổ Nhiệm vụ KH&CN cấp trường mã số N.23.14.

tạo dựng "quyền lực" trong quan hệ quốc tế, không tập trung cho các giá trị nhân văn nhân bản kể trên. Chính vì vậy, có thể nói, chủ đề "mua bán người" luôn thu hút sự quan tâm đối với đông đảo học giả quốc tế học và chính giới.

Con người là vốn quý của mọi quốc gia. Trong khi ở một số quốc gia phát triển với dân số đang già đi và phải chật vật đối phó với vấn đề thiếu hụt lao động trầm trọng thì tại nhiều quốc gia đang phát triển hay nghèo đói, chủ yếu tập trung ở châu Phi và một số các quốc gia đông dân như khu vực Đông Nam Á, nạn vận chuyển người trái phép qua biên giới, hay còn gọi là mua bán người, lại trở nên nhức nhối hơn bao giờ hết, đặc biệt trong các thời kỳ kinh tế khủng hoảng hoặc đình trệ kinh tế như sau đại dịch COVID-19 vừa qua. Toàn cầu hóa cũng đóng vai trò quan trọng trong việc trầm trọng hóa vấn đề này. Akanbi (2020) đã chỉ ra toàn cầu hóa có ý nghĩa quan trọng khi xem xét nguồn cung và nhu cầu nhân lực như một loại hàng hóa; và các điều kiện kỹ thuật, văn hóa và xã hội đã tạo ra động lực cho nạn mua bán người. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ và phương tiện giao thông thời kỳ gần đây, cũng như nhờ lợi dụng những bất cân xứng về mặt luật pháp, đặc biệt trong các bộ luật về phòng, chống và trừng phạt tội phạm mua bán người giữa các quốc gia, nhiều băng nhóm vận chuyển người trái phép qua biên giới đã lẩn tránh và thậm chí thoát khỏi những trừng phạt từ quốc gia liên quan. Đồng quan điểm, Mehra và Sharif (2024) cho rằng "toàn cầu hóa đã tạo điều kiện cho việc mở rộng chuỗi cung ứng phức tạp trải rộng trên nhiều quốc gia, mang lại cho những kẻ buôn lậu nhiều cơ hội để khai thác những lỗ hổng pháp lý và hoạt động mà không bị trừng phạt. Hơn nữa, hiện tượng di cư, được thúc đẩy bởi việc theo đuổi các cơ hội việc làm trong quá trình toàn cầu hóa, đã vô tình khiến những người di cư dễ bị buôn bán khi họ tìm kiếm cuộc sống tốt đẹp hơn nhưng lại thường rơi vào bẫy của những âm mưu lừa đảo. Sự chênh lệch về kinh tế, càng trầm trọng hơn do toàn cầu hóa, càng làm vấn đề trở nên phức tạp hơn, khi các quốc gia nghèo hơn phải đối mặt với tỷ lệ mua bán người tăng cao do tuyệt vọng và thiếu cơ hội. Trong khi việc bóc lột tình dục thu hút được sự chú ý đáng kể thì nạn mua bán người còn vượt ra ngoài phạm vi đó, bao gồm lao động cưỡng bức, thu hoạch nội tạng và các hình thức bóc lột khác, tất cả đều trở nên trầm trọng hơn do ảnh hưởng của toàn cầu hóa đối với các ngành như du lịch".

Riêng ở khu vực Đông Nam Á, các báo cáo của các tổ chức quốc tế cho thấy tội phạm xuyên quốc gia, trong đó có mua bán người, đang diễn tiến theo chiều hướng tăng mạnh. Trong khi đó, các nỗ lực hợp tác để đối phó với vấn nạn này chưa thể hiện những khởi sắc; hoặc có tiến bộ nhưng vẫn chưa bắt kịp tốc độ gia tăng tội phạm. Nghiên cứu này nhằm mục đích xem xét sơ bộ vấn đề mua bán người ở khu vực Đông Nam Á, giữa các quốc gia có liên quan trực tiếp đến Việt Nam, đồng thời tổng kết các nỗ lực hợp tác quốc tế giữa các quốc gia này nhằm cải thiện tình hình, sơ lược xem xét mức độ hiệu quả hoặc các nguyên nhân dẫn đến hiệu quả chưa cao, từ đó đề xuất những gợi ý hợp tác trong tương lai gần để đảm bảo cho công tác phòng chống mua bán người giữa nhóm nước này chặt chẽ, hiệu quả hơn.

2. Nghiên cứu tổng quan và khung lý thuyết

2.1. Thuật ngữ "mua bán người" trong khuôn khổ lý luận về an ninh phi truyền thống

Cho đến nay, hầu hết các tài liệu tổng quan đều phải viện dẫn đến thuật ngữ "an ninh truyền thống" mỗi khi thảo luận về khái niệm "an ninh phi truyền thống". Quốc hội Việt Nam khẳng định trong Luật An ninh quốc gia (2004) như sau: "An ninh quốc gia là sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc". (Điều 3, Luật An ninh Quốc gia 2004). Về sau, Hoàng Đình Phi và cộng sự (2019) bổ sung một khía

cạnh khác cho khái niệm này. "Khái niệm về an ninh luôn được cấu trúc xung quanh con người và sự an toàn của họ. An ninh có thể được hiểu là mức độ an toàn cao nhất đối với các chủ thể, tác nhân liên quan, bao gồm nhà nước, chính phủ, tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng, gia đình và cá nhân". Đồng quan điểm trên, Báo cáo Phát triển Con người năm 1994 của UNDP cũng tuyên bố: "khái niệm an ninh từ lâu đã được hiểu theo nghĩa hẹp là an ninh lãnh thổ khỏi sự xâm lược từ bên ngoài, hoặc là bảo vệ lợi ích quốc gia, bị lãng quên là những mối quan tâm chính đáng của những người bình thường tìm kiếm sự an toàn trong cuộc sống hàng ngày của họ. Đối với nhiều người trong số họ, an ninh tượng trưng cho sự bảo vệ khỏi mối đe dọa bệnh tật, nạn đói, thất nghiệp, tội phạm, xung đột xã hội, đàn áp chính trị và các hiểm họa về môi trường" (UNDP, 1994).

Báo cáo Tài chính và Phát triển khu vực Đông Nam Á năm 2018 của IMF cũng đưa đến những khuyến cáo tương tự. Caballero-Anthony một trong những tác giả chính của báo cáo về an ninh phi truyền thống và nạn mua bán người, định nghĩa: "Các mối đe dọa an ninh không còn chỉ là đối đầu quân sự, tranh chấp lãnh thổ và phổ biến vũ khí hạt nhân. Chúng cũng phát sinh từ những mối nguy hiểm phi quân sự như biến đổi khí hậu, thiên tai, bệnh truyền nhiễm và tội phạm xuyên quốc gia. Trong số các mối đe dọa an ninh phi truyền thống này, nạn mua bán người ngày càng gia tăng, đặc biệt là ở Đông Nam Á, nơi thiên tai và xung đột quân sự khiến người dân và người tị nạn phải di dời, những đối tượng đặc biệt dễ bị tổn thương trước tội ác khắc nghiệt này" (Mely Caballero-Anthony, 2018, tr.17). Báo cáo cũng cho biết ở Đông Nam Á và nhiều nơi khác, các mối đe dọa an ninh phi truyền thống có hai đặc điểm nổi bật: chúng mang tính xuyên quốc gia và phức tạp. Mua bán người, đôi khi được gọi là "nô lệ hiện đại", ảnh hưởng đến khoảng 40 triệu đàn ông, phụ nữ và trẻ em bị mắc kẹt trong mạng lưới lao động cưỡng bức, bóc lột tình dục và hôn nhân cưỡng bức đàn áp. Ước tính, mua bán người hiện là một trong những loại tội phạm có tổ chức sinh lợi nhiều nhất trên thế giới, tạo ra hơn 150 tỷ USD mỗi năm. Những con số gây sốc này chỉ là ước tính vì rất khó có được dữ liệu chính xác, phần lớn là do nạn mua bán người không được báo cáo, không bị phát hiện và do đó không bị truy tố (Caballero-Anthony, 2018).

Vậy "mua bán người" nên được nhìn nhận và định vị như thế nào trong các khái niệm và phạm vi của "an ninh phi truyền thống"? Theo định nghĩa của Văn phòng Liên hợp quốc về Ma túy và Tội phạm (UNODC): "Mua bán người là tội phạm toàn cầu, buôn bán người và bóc lột họ để kiếm lời. Mọi người thuộc mọi giới tính, lứa tuổi và hoàn cảnh đều có thể trở thành nạn nhân của tội ác này, xảy ra ở mọi khu vực trên thế giới. Những kẻ mua bán người sử dụng bạo lực, các cơ quan tuyển dụng lừa đảo và những lời hứa hẹn giả tạo về cơ hội giáo dục và việc làm để lừa, ép buộc và lừa dối nạn nhân của chúng. Các mạng lưới có tổ chức hoặc các cá nhân đằng sau tội ác sinh lời này lợi dụng những người dễ bị tổn thương, tuyệt vọng hoặc đơn giản là đang tìm kiếm một cuộc sống tốt đẹp hơn" (UNODC, 2024). Nhìn từ góc độ này, mua bán người chắc chắn là một hình thức, một bộ phận cấu thành của tội phạm quốc tế, đồng thời là một bộ phận của an ninh phi truyền thống nói trên.

2.2. Mua bán người ở Đông Nam Á – Những đặc trưng và nguyên nhân

Đông Nam Á luôn là một trong những điểm nóng nhất về nạn mua bán người toàn cầu. Tệ nạn này xuất phát từ cả khía cạnh tự nhiên của khu vực (cụ thể là điều kiện địa lý và kinh tế) cũng như đặc điểm của người bản địa đã sống ở đây. Các thể chế, đặc biệt trong luật pháp, và khả năng thực thi luật pháp ở các quốc gia sở tại cũng là một trong những nguyên nhân của hiện tượng này.

Đầu năm 2024, các quan chức Interpol nhận định, nạn mua bán người bùng nổ ở khu vực này đang nở rộ, đặc biệt là sau đại dịch COVID-19. "Những gì bắt đầu như một mối đe dọa

tội phạm khu vực ở Đông Nam Á đã trở thành một cuộc khủng hoảng mua bán người toàn cầu, với hàng triệu nạn nhân, cả ở các trung tâm lừa đảo trên mạng và các trung tâm thực tế" (Ngui, 2024). Các trung tâm lừa đảo qua mạng được cho là có nhân viên là "những người làm bị lừa bán" với lời hứa hẹn về công việc hợp pháp. Interpol đã cập nhật tổng doanh thu từ tội phạm mua bán người ở Đông Nam Á tính đến đầu năm 2024 là khoảng 3 tỷ USD (Magramo, 2024).

Để bắt đầu, chúng ta nên xem xét các điều kiện tự nhiên và kinh tế ở khu vực này. Là một trong những khu vực đang phát triển đông dân nhất trên thế giới, khu vực Đông Nam Á xung quanh Việt Nam chủ yếu bao gồm các nước có thu nhập trung bình và yếu. Cụ thể như minh họa ở bảng dưới đây[1]:

Bảng 1

Tóm lược một số đặc điểm tự nhiên, dân số, kinh tế và các vấn đề quốc tế liên quan đến nạn mua bán người ở một số nước Đông Nam Á

Quốc gia	Diện tích (km vuông)	Dân số (người)	GDP thực tế (tính theo sức mua)	Vấn đề quốc tế liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến nạn mua bán người
Cam-pu-chia	181.035 (xếp thứ 90 của thế giới)	16.713.015 (số liệu năm 2022) (xếp thứ 72 thế giới)	85,9 tỷ USD (năm 2023) (xếp thứ 100 của thế giới)	Các sòng bạc xây dựng gần biên giới Việt Nam là các tụ điểm của nạn bài bạc, mại dâm và sử dụng chất cấm. Đây cũng là những điểm sử dụng lượng lớn nhân lực là nạn nhân của lừa đảo vận chuyển qua biên giới, với một tỷ lệ lớn gồm phụ nữ và trẻ em.
Lào	236.800 (xếp thứ 84 của thế giới)	7.749.595 (xếp thứ 103 của thế giới)	64,173 tỷ USD (xếp thứ 112 của thế giới)	Khu vực "Tam giác Vàng" (Golden Triangle) từ lâu đã là tụ điểm trung chuyển và buôn bán chất kích thích bị cấm; sử dụng lực lượng vận chuyển là những nhân lực bị dụ dỗ hoặc lừa đảo ép buộc thực hiện hành vi trái pháp luật, một số trong đó là trẻ em.
Thái Lan	513.120 (xếp thứ 53 của thế giới)	69.648.117 (xếp thứ 20 của thế giới)	1516 tỷ USD (xếp thứ 21 của thế giới)	Là tụ điểm của nạn buôn bán và vận chuyển chất cấm, gồm thuốc phiện, methamphetamine hoặc các loại ma túy bất hợp pháp khác; ma túy buôn lậu qua Thái Lan hướng đến thị trường khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương; và dòng lớn methamphetamine và heroin từ nước láng giềng Myanmar sang các thị trường khác, nhưng cũng

[1] Bảng này được tác giả tổng hợp chủ yếu từ trang web The World Factbook, phần East and Southeast Asia của Cơ quan Tình báo Trung ương Hoa Kỳ (Central Intelligence Agency – CIA) từ địa chỉ truy cập: https://www.cia.gov/the-world-factbook/east-and-southeast-asia/. Dữ liệu được truy xuất vào nhiều thời điểm trong tháng 4/2024.

				được tiêu thụ trong nước. Giống như các nước trung chuyển khác, lực lượng nhân công sử dụng trong pha chế và vận chuyển những chất cấm này cũng phần lớn là nạn nhân của tội mua bán người.
Malaysia	329.847 (xếp thứ 68 của thế giới)	34.564.810 (xếp thứ 45 của thế giới)	1152 tỷ USD (xếp thứ 29 của thế giới)	Người không quốc tịch: 113.930 (2022); lưu ý - Dân số không quốc tịch của Malaysia bao gồm: những người tị nạn Rohingya từ Myanmar, người dân tộc Ấn Độ và con cái của những người di cư bất hợp pháp Philippines và Indonesia; Myanmar tước quốc tịch của người Rohingya vào năm 1982; Trẻ em Philippines và Indonesia chưa được cha mẹ đăng ký giấy khai sinh hoặc không nhận được giấy khai sinh có đóng dấu "người nước ngoài" sẽ không đủ điều kiện theo học tại các trường công lập; những đứa trẻ này dễ bị tổn thương và cũng dễ trở thành nạn nhân của nạn mua bán người. Ngoài ra, đây cũng là một điểm trung chuyển ma túy các loại, chủ yếu đến Úc; ma túy được buôn bán sang Malaysia bao gồm: methamphetamine dạng tinh thể và một lượng nhỏ MDMA (thuốc lắc), cần sa, heroin và ketamine; chính Malaysia cũng có tỷ lệ lớn dân số lạm dụng ma túy, đặc biệt là methamphetamine.
Việt Nam	331.210 (xếp thứ 67 của thế giới)	105.758.975 (xếp thứ 16 của thế giới)	1354 tỷ USD (xếp thứ 24 của thế giới)	Với đặc trưng chung đường biên với Trung Quốc – một đất nước có sự chênh lệch tỉ lệ nam - nữ quá lớn, phụ nữ và trẻ em gái Việt Nam trong nhiều năm nay thuộc nhóm đối tượng dễ bị lừa bán qua biên giới. “Theo dữ liệu từ Chính phủ Việt Nam, tính tới năm 2020, ước tính 85% nạn nhân mua bán người ở Việt Nam là phụ nữ và trẻ em gái.” (Blue Dragon, 2024, tr. 15). Tuy nhiên, từ sau đại dịch COVID-19, tỷ lệ nam giới bị lừa sang lao động trái

				phép ở các sòng bạc thuộc Cam-pu-chia và Lào có xu hướng tăng lên, nhưng nạn nhân nữ giới vẫn vượt trội về số lượng (Blue Dragon, 2024, tr.14). Ngoài ra, việc chung đường biên với các nước có các tụ điểm ma túy, mại dâm, và đánh bạc như Cam-pu-chia và Lào cũng khiến tình trạng mua bán người từ Việt Nam sang hai nước này có điều kiện diễn ra và thậm chí tăng nặng, nhất là trong bối cảnh kinh tế khó khăn. "Chính phủ Việt Nam ước tính rằng từ năm 2011 đến tháng 6 năm 2020, 75% nạn nhân bị buôn bán sang Trung Quốc và 11% sang Campuchia và Lào." (Blue Dragon, 2024, tr.11).

Khái quát các đặc trưng về nạn mua bán người trong khu vực Đông Nam Á, đặc biệt ở các nước có biên giới hoặc gần với Việt Nam, báo cáo của IMF (2018) chỉ rõ trong giai đoạn 2012-2014, hơn 60% trong số 7.800 nạn nhân được xác định đã bị buôn bán để bóc lột tình dục. Phụ nữ cũng là nạn nhân của nô lệ gia đình và các hình thức lao động cưỡng bức khác. Trong nhiều trường hợp, phụ nữ và trẻ em đến từ các cộng đồng vùng sâu vùng xa và nghèo khó. Hôn nhân cưỡng ép đối với phụ nữ và trẻ em gái đang diễn ra tràn lan ở khu vực sông Mê Kông gồm: Campuchia, Trung Quốc, Myanmar và Việt Nam. Sự gia tăng nạn buôn bán trẻ em trong khu vực có liên quan đến sự gia tăng đáng báo động của nội dung khiêu dâm trẻ em trực tuyến, bao gồm cả việc phát trực tiếp cảnh lạm dụng tình dục trẻ em. Đây là một hoạt động kinh doanh sinh lợi ước tính tạo ra lợi nhuận từ 3 đến 20 tỷ USD mỗi năm. Các quốc gia như Campuchia và Thái Lan được xác định là nhà cung cấp tài liệu khiêu dâm lớn (Caballero-Anthony, 2018).

Đầu năm 2024, một báo cáo khác do Frada (2024a) ở Viện nghiên cứu về Giới trong Địa chính trị cũng đưa ra các tổng kết tương tự về đặc trưng của nạn nhân mua bán người ở khu vực Đông Nam Á. Theo đó, trong khu vực này, "hơn 22 triệu phụ nữ bị buôn bán và ép kết hôn vào năm 2021. Mua bán người thường được coi là tổn hại về giới, vì phụ nữ và trẻ em phải đối mặt với hình thức bóc lột này cao hơn… Theo UNODC, hơn 60% phụ nữ và 25% trẻ em gái bị buôn bán để làm lao động phân biệt giới tính, bao gồm chăm sóc trẻ em, giúp việc nhà và mại dâm tính đến năm 2021… Việc thiếu các quyền dành cho phụ nữ được coi là nguyên nhân chính gây ra tình trạng này. Với khả năng gài bẫy phụ nữ trong mạng lưới lao động cưỡng bức, bóc lột tình dục và cưỡng bức hôn nhân khủng khiếp, nạn mua bán người ở Đông Nam Á đã nổi lên như một loại tội phạm ngày càng gia tăng cần được hiểu và đấu tranh để ngăn chặn sự suy thoái của hàng triệu phụ nữ và trẻ em gái trên toàn thế giới" (Frada, 2024).

Lý giải nguyên nhân của nạn mua bán người trong khu vực, Martinus và Aridati (2024) cho rằng: "Mua bán người là một vấn đề cấp bách ở các nước ASEAN do kiểm soát nhập cư yếu kém, dễ bị tổn thương về khí hậu, các vấn đề quản trị phức tạp và biên giới lỏng lẻo. Bất chấp những nỗ lực ngăn chặn nạn mua bán người và bảo vệ nạn nhân, sự gia tăng các hoạt động lừa đảo và lừa đảo trực tuyến đã làm phức tạp thêm việc phát hiện và ngăn chặn những tội phạm

như vậy. Điều này nhấn mạnh sự cần thiết phải hợp tác khu vực trong quản trị kỹ thuật số, yêu cầu các nền tảng truyền thông xã hội phải chịu trách nhiệm đồng thời tôn trọng quyền riêng tư và tự do ngôn luận" (Martinus & Aridati, 2024).

Trong khi đó, Frada (2024b) lý giải các nguyên nhân dẫn đến tỷ lệ lớn nạn nhân của mua bán người tại khu vực Đông Nam Á là nữ giới hoặc trẻ em chủ yếu bắt nguồn từ các tập quán, các thiên kiến, thành kiến và hệ tư tưởng thiếu "thân thiện" với nữ giới và trẻ em – những đối tượng bị coi là "yếu thế" trong các xã hội vốn nặng truyền thống nam quyền. Rào cản đối với công lý trong bối cảnh mua bán người ở Đông Nam Á không chỉ mang tính thể chế; họ bị cuốn sâu vào sự kỳ thị lan rộng của xã hội, làm tăng thêm những thách thức mà phụ nữ đang tìm kiếm công lý phải đối mặt. Ở những quốc gia như Philippines, nơi tỷ lệ mua bán người cao đến mức đáng báo động, nhiều nạn nhân vẫn không có giấy tờ tùy thân do nỗi xấu hổ sâu sắc liên quan đến việc là nạn nhân sống sót sau nạn mua bán người. Sự xấu hổ này, được thúc đẩy bởi các giá trị xã hội đã ăn sâu, trong đó, coi nạn nhân nữ là "không giữ đạo đức" và có khả năng gây tổn hại đến danh tiếng gia đình, tạo ra các rào cản kinh tế và xã hội, ngăn cản các nạn nhân nữ và gia đình họ đứng ra tố cáo. Ví dụ, ở Campuchia, xã hội đánh giá cao sự khiêm tốn trong tình dục của phụ nữ, ngăn cản nạn nhân lên tiếng vì sợ bị hủy hoại danh tiếng và tương lai nếu bị lừa bán làm gái mại dâm. Nếu lên tiếng tố cáo, nạn nhân có nguy cơ bị coi là người "làm xấu mặt" gia đình và tổ tiên của họ. "Các nền văn hóa bám chặt vào hệ thống phân cấp gia trưởng hoặc hệ thống giá trị tôn giáo, nhấn mạnh đến danh dự gia đình và/hoặc sự trong sạch về tình dục trước hôn nhân, góp phần tạo ra những điều kiện kỳ thị đối với những phụ nữ sống sót sau nạn buôn bán tình dục. Tại Tiểu vùng Mê Kông mở rộng, Tổ chức Di cư Quốc tế tiết lộ rằng 75% phụ nữ sống sót từng phải chịu đựng bạo lực tình dục trong khi bị mua bán bày tỏ lo ngại về cách đối xử của họ khi trở về nhà, đồng thời nêu rõ rằng điều khiến sự kỳ thị trở nên đặc biệt nguy hiểm là nó đe dọa đến quyền lợi của nạn nhân. Mối quan hệ cá nhân gần gũi nhất và các giá trị cốt lõi của cuộc sống, trở thành yếu tố cơ bản quyết định sự bất bình đẳng xã hội đối với nhiều phụ nữ sống sót sau quá trình tái hòa nhập" (Frada, 2024b).

Như vậy, ngoài đặc trưng là một trong những "vùng trũng" của thế giới về nạn mua bán người do đặc điểm kinh tế còn nghèo nàn, cơ hội công việc và nghề nghiệp khó khăn, dân trí thấp, dân cư đông; tệ nạn này ở Đông Nam Á còn đặc biệt trầm trọng hơn với nữ giới và trẻ em – những nạn nhân trực tiếp của sự bất bình đẳng giới và sự thiếu đồng bộ, thiếu nguồn lực cũng như thiếu nhận thức đúng đắn trong đảm bảo và thúc đẩy quyền con người, đặc biệt là quyền trẻ em.

3. Hợp tác quốc tế về chống mua bán người ở khu vực

Các quốc gia trong khu vực đã tham gia một số thỏa thuận hoặc hiệp ước quốc tế chống lại nạn mua bán người. Một ví dụ đáng chú ý là trường hợp Nghị định thư về ngăn chặn, trấn áp và trừng trị tội mua bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em của Liên hợp quốc năm 2000. Cùng với hai Nghị định thư khác là Nghị định thư chống buôn lậu người di cư bằng đường bộ, đường biển và đường hàng không & Nghị định thư chống sản xuất và buôn bán trái phép súng ống, các bộ phận, thành phần và đạn dược, bộ ba Nghị định thư này hợp thành Hiệp ước Liên hợp quốc chống lại Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, gọi tắt là bộ Hiệp ước Balermo. Việt Nam và các quốc gia có quan hệ láng giềng gần gũi trong phạm vi khảo cứu này gồm: Campuchia, Lào, Malaysia, và Thái Lan đều đã tham gia đầy đủ Nghị định thư quan trọng nhất trong bộ ba này, tức là Nghị định thư về ngăn chặn, trấn áp và trừng trị tội mua bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em của Liên hợp quốc năm 2000; và tham gia có chừng mực hoặc đang

cân nhắc tham gia các nghị định thư còn lại. Chi tiết như trong bảng minh họa bên dưới[2]:

Bảng 2

Quá trình tham gia vào bộ Hiệp ước Palermo của Việt Nam và một số quốc gia Đông Nam Á

Quốc gia	**Nghị định thư về ngăn chặn, trấn áp và trừng trị tội mua bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em (Năm 2000)**	**Nghị định thư chống buôn lậu người di cư bằng đường bộ, đường biển và đường hàng không[3] (Năm 2004)**	**Nghị định thư chống sản xuất và buôn bán trái phép súng ống, các bộ phận, thành phần và đạn dược**
Campuchia	Ký ngày 11/11/2001, phê chuẩn ngày 2/7/2007;	Ký ngày 11/11/2001 và phê chuẩn ngày 12/12/2005;	Phê chuẩn ngày 12/12/2005;
Lào	Phê chuẩn ngày 26/9/2003;	Phê chuẩn ngày 26/9/2003;	Phê chuẩn ngày 26/9/2003;
Malaysia	Phê chuẩn ngày 26/2/2009;	Chưa có dữ liệu = chưa tham gia	Chưa có dữ liệu = chưa tham gia
Thái Lan	Ký ngày 18/12/2001; phê chuẩn ngày 17/10/2013;	Ký kết ngày 18/12/2001;	Chưa có dữ liệu = chưa tham gia
Việt Nam	Phê chuẩn ngày 8/6/2012;	Chưa có dữ liệu = chưa tham gia	Chưa có dữ liệu = chưa tham gia

Trong phạm vi khu vực ASEAN, đã có những hợp tác quy mô với một loạt các văn bản chính luật được ký kết giữa các quốc gia thành viên. Đáng chú ý nhất là Công ước ASEAN chống mua bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, gồm 31 điều, được ký kết tại Kuala Lumpur, Malaysia, ngày 21/11/2015 với đại diện của các quốc gia gồm: Brunei Darussalam, Campuchia, Indonesia, CHDCND Lào, Malaysia, Myanmar, Philippines, Singapore, Thái Lan và Việt Nam (ASEAN, 2015).

Ở cấp độ tiểu vùng, Sáng kiến phối hợp cấp Bộ trưởng về chống mua bán người ở khu vực sông Mê Kông cũng tuân thủ chặt chẽ khuôn khổ Nghị định thư Palermo và đã dẫn đến một số thỏa thuận song phương nhằm tăng cường hợp tác giữa các quốc gia trong khu vực sông Mê Kông mở rộng. Ngoài Đông Nam Á, Tiến trình Bali được thành lập vào năm 2002 như một nền tảng đối thoại giữa các quốc gia ở Châu Á - Thái Bình Dương. Mục tiêu của nó là nâng cao nhận thức và xây dựng năng lực chống buôn người, mua bán người và tội phạm xuyên quốc gia. Với tính chất xuyên quốc gia của nạn mua bán người, cả các cơ chế quốc tế và khu vực đều khuyến khích các chính phủ chia sẻ thông tin, điều phối các chính sách và nỗ lực hình sự hóa tội phạm mua bán người, cung cấp hỗ trợ pháp lý lẫn nhau, bảo vệ nạn nhân và truy tố những kẻ phạm tội (Caballero-Anthony, 2018).

Từ góc độ hợp tác song phương, các quốc gia trong tiểu vùng xung quanh Việt Nam cũng đã tích cực tương tác, tham vấn, chia sẻ thông tin và hỗ trợ lẫn nhau trong công tác phòng chống nạn mua bán người. Điểm sáng có thể kể đến là Hiệp định giữa Chính phủ Việt Nam và

[2] Tác giả tổng hợp từ nhiều nguồn, với Palermo là trang web https://www.unodc.org/unodc/en/treaties/CTOC/signatures.html và https://treaties.un.org/pages/ViewDetails.aspx?src=TREATY&mtdsg_no=XVIII-12-a&chapter=18&clang=_en, truy cập tháng 4/2024.

[3] https://treaties.un.org/Pages/ViewDetails.aspx?src=TREATY&mtdsg_no=XVIII-12-b&chapter=18&clang=_en;

Chính phủ Vương quốc Thái Lan về hợp tác song phương nhằm loại trừ nạn mua bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, giúp đỡ nạn nhân bị mua bán được ký kết giữa chính phủ hai nước từ năm 2008 (Báo Điện tử Chính phủ, 2009). Các lực lượng chức năng, các ban chuyên án cũng đã được thành lập tại Việt Nam và Campuchia và đã bắt giữ nhiều băng nhóm buôn người, giải cứu thành công, kịp thời các nạn nhân của tệ nạn này (Báo Điện tử Chính phủ, 2024; Truyền hình An ninh, 2024).

Mặc dù vậy, đánh giá hiệu quả của công tác phòng chống mua bán người trong khu vực, đa số các báo cáo và các học giả vẫn cho rằng các biện pháp và phối hợp quốc tế hiện nay chưa bắt kịp tốc độ gia tăng cũng như những biến chuyển về thủ đoạn của loại tội phạm này. Sự chậm trễ tham gia đầy đủ, sâu rộng vào các hiệp định, hiệp ước quốc tế của một số quốc gia "khó khăn" do những rào cản về nguồn lực, cơ chế, chính sách, và đãi ngộ cho lực lượng chuyên trách … là một trong số các nguyên nhân cơ bản của tình trạng trên. Ngay cả với các quốc gia đã ký kết và cam kết, có hành động cụ thể tham gia vào công cuộc ngăn chặn, cản bắt, truy tố và bảo vệ nạn nhân, tính nhất quán, sự đồng thuận trong các tranh cãi pháp lý như: xác định danh tính nạn nhân, xác định nạn nhân là nạn nhân của tội mua bán người hay không … vẫn còn gây bất đồng giữa các bên; do một số lý do như Frada (2024b) đã chỉ ra về các quy định pháp lý trong các hiệp ước, hiệp định, gồm: (1) ngôn ngữ mơ hồ; (2) không áp điều kiện với các quốc gia; (3) thiếu cơ chế giám sát và hỗ trợ các quốc gia trong hợp tác quốc tế về phòng chống mua bán người - thậm chí để các quốc gia tùy ý quyết định quy mô, tỷ lệ, mức độ hay mức tăng nặng của từng hành vi. Xét từ thực tế thực thi pháp luật, Frada (2024b) cũng cho rằng một số quốc gia có tỷ lệ kết án cho tội mua bán người thấp đến mức đáng ngạc nhiên, do sự sử dụng thuật ngữ "mua bán người" khác nhau trong các bộ luật của các nước. Ví dụ điển hình là Việt Nam. Từ trước đến nay, Việt Nam sử dụng thuật ngữ "vận chuyển người trái phép qua biên giới" để chỉ đa số các hành vi có thể cấu thành tội "mua bán người" (như cách gọi tên hành vi tội phạm này theo pháp luật Việt Nam) hoặc "buôn người" (như cách gọi tên của nhiều tổ chức quốc tế và các quốc gia khác ngoài Việt Nam). Tuy nhiên, để có thể kết luận hành vi có thực sự dẫn đến tội mua bán người hay không, luật pháp của Việt Nam có quy định rất chặt chẽ về bối cảnh, sự liên quan, đồng thuận của "nạn nhân", hoặc phản ứng cụ thể của "nạn nhân" và "người môi giới/ người dẫn qua biên giới", hoặc cả việc có hay không có cũng như cách xác định hậu quả của hành vi… Trong khi đó, luật pháp quốc tế thường quy định chung chung hơn rất nhiều, ví dụ, cứ có hành vi vượt qua đường biên trái phép là đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên dẫn đến sự thống kê tội phạm và các vụ bắt giữ, truy tố … không trùng nhau về số lượng được ghi nhận. Đây cũng là một trong những lý do dẫn đến việc Việt Nam trong các năm 2019-2020-2021 bị "ghi nhận" là nhóm quốc gia nằm trong danh sách Watch List (mức 3 về tình trạng nghiêm trọng của nạn mua bán người - danh sách và tiêu chí do Đại sứ Quán Mỹ phát hành hàng năm). Đến đầu năm 2024, sau nhiều cố gắng và nỗ lực phòng chống nạn mua bán người trong khu vực giữa Việt Nam và các nước láng giềng đã được ghi nhận, cũng như sự tích cực làm rõ các khác biệt, hiểu nhầm về mặt thông tin, văn bản pháp lý kể trên, Việt Nam đã có được sự thừa nhận tốt hơn trên phương diện này. Báo cáo về nạn mua bán người ở Việt Nam năm 2024 của Văn phòng Đại sứ quán Mỹ cũng đã nâng hạng năng lực cho Việt Nam lên mức 2 về phòng chống mua bán người (US State Government, 2024).

4. Kết luận và khuyến nghị

Thực trạng mua bán người ở Việt Nam và một số các quốc gia láng giềng có xu hướng còn gia tăng trong bối cảnh kinh tế suy thoái đặc biệt sau đại dịch COVID-19. Nghiên cứu sơ bộ cũng đã chỉ rõ những đặc điểm nổi trội của nạn mua bán người trong khu vực này, với tỷ lệ

nạn nhân là nữ và trẻ em luôn chiếm số lượng áp đảo hơn so với nhóm đối tượng khác. Các nguyên nhân của tệ nạn cũng đã được làm rõ, trong đó nổi lên vấn đề dân trí thấp, dân cư đông, kinh tế còn yếu kém và thu nhập trung bình tính theo đầu người còn thấp. Xuất phát từ nhu cầu cấp bách về hợp tác phòng chống tệ nạn này, một cam kết tập thể về phòng ngừa giữa các quốc gia trong khu vực cũng là điều không thể thiếu, thu hút sự tham gia của cộng đồng vào những nỗ lực toàn diện nhằm trao quyền cho phụ nữ và thúc đẩy môi trường hỗ trợ. Các sáng kiến hợp tác, bao gồm các chương trình giám sát đường biên và quan hệ đối tác với cơ quan thực thi pháp luật địa phương, nhất là các tỉnh, thành sát biên giới, có thể là công cụ hiệu quả để ngăn chặn những kẻ mua bán người tiềm năng và cung cấp mạng lưới an toàn cho những cá nhân dễ bị tổn thương thông qua giám sát thận trọng và báo cáo kịp thời các mối lo ngại mới.

Trong bối cảnh công nghệ đã cho phép sự chia sẻ thông tin và liên lạc dễ dàng hơn giữa các nước, các phương tiện truyền thông cũng đóng vai trò là đồng minh đắc lực trong việc nâng cao nhận thức cộng đồng và định hình quan điểm về nạn mua bán người. Việc đưa tin có trách nhiệm của các nhà báo và các cơ quan tuyên truyền quốc gia và quốc tế có thể làm sáng tỏ thực tế khắc nghiệt của nạn mua bán người, vạch trần thủ phạm và thúc đẩy các cuộc thảo luận công khai có ý nghĩa. Điều bắt buộc đối với các phương tiện truyền thông là ưu tiên đưa tin chính xác và có đạo đức, tạo ra cảm giác cấp bách và thu hút sự ủng hộ cho các biện pháp có thể hành động. Đồng thời, các chiến dịch xã hội có ảnh hưởng đáng kể trong việc huy động cộng đồng, thúc đẩy sự ủng hộ của công chúng và thấm nhuần tinh thần trách nhiệm tập thể. Tận dụng các nền tảng đa dạng, bao gồm: phương tiện truyền thông xã hội, các kênh truyền thống và các sự kiện cộng đồng, là rất quan trọng để phổ biến thông điệp đoàn kết, giáo dục công chúng về nạn mua bán người và thúc đẩy sự tham gia vào các nỗ lực phòng ngừa.

Cuối cùng, với riêng đặc trưng của nạn mua bán người trong khu vực này nhằm vào nhóm đối tượng yếu thế hơn là nữ giới và trẻ em, việc phòng ngừa và chống mua bán phụ nữ và trẻ em gái một cách hiệu quả đòi hỏi một chiến lược đa tầng bắt nguồn từ giáo dục, nhận thức và sử dụng công nghệ một cách chiến lược. Sự hợp tác giữa các bên liên quan, các chương trình đào tạo và sáng kiến thúc đẩy sự phát triển nghề nghiệp của phụ nữ trong hệ thống tư pháp hình sự là những thành phần không thể thiếu của cách tiếp cận này, cũng như các hệ thống hỗ trợ toàn diện, bao gồm: chỗ ở an toàn, trợ giúp pháp lý, dịch vụ tư vấn, hỗ trợ giáo dục và việc làm. Về cơ bản, để những nỗ lực này có hiệu quả, cần có sự hiểu biết toàn diện và những nỗ lực hợp tác, nhạy cảm về giới nhằm xóa bỏ các chuẩn mực văn hóa cố hữu, sự kỳ thị xã hội và bất bình đẳng về cơ cấu.

Tài liệu tham khảo

Akanbi, A. (2020). Assessing the effectiveness of global and international cooperation in tackling human trafficking. *Journal of Global Social Sciences, 1*(4), 75-90. https://www.researchgate.net/publication/348884657/

ASEAN. (2015). ASEAN *Convention Against Trafficking in Persons, Especially Women and Children.* https://www.asean.org/wp-content/uploads/2015/12/ACTIP.pdf

Blue Dragon. (2024). *Human trafficking in post-covid Vietnam - New trends in trafficking in persons, and solution-oriented interventions.* https://www.bluedragon.org/wp-content/uploads/2024/03/Human-trafficking-in-post-Covid-Vietnam.pdf

Caballero-Anthony, M. (2018). A hidden scourge. *Finance & Development, 55*(3), 18-21.https://doi.org/10.5089/9781484368800.022

Frada, R. (2024a). *Silent Battlegrounds: Understanding and Combating Human Trafficking of Women and Girls in Southeast Asia 1/2.* https://igg-geo.org/en/2024/01/16/silent-battlegrounds-understanding-and-combating-human-trafficking-of-women-and-girls-in-southeast-asia-1-2/

Frada, R. (2024b). *Silent Battlegrounds: Understanding and Combating Human Trafficking of Women and Girls in Southeast Asia 2/2.* https://igg-geo.org/en/2024/01/16/silent-battlegrounds-understanding-and-combating-human-trafficking-of-women-and-girls-in-southeast-asia-2-2/

Government News. (2009). *Vietnam-Thailand cooperate against human trafficking.* https://baochinhphu.vn/viet-nam-thai-lan-hop-tac-chong-nan-buon-ban-nguoi-10213283.htm

Government News. (2024). *Exterminating the link of human trafficking from Vietnam to Cambodia.* https://baochinhphu.vn/triet-pha-duong-day-mua-ban-nguoi-tu-viet-nam-qua-campuchia-102240812181118878.htm

Hoang, D. P., Nguyen, V. H., Hoang, A. T., & Nguyen, X. H. (2019). Management of Nontraditional Security: A New Approach. *International Journal of Engineering, Applied and Management Sciences Paradigms (IJEAM), Volumn 54*(1), 253-262. https://hsb.edu.vn/wp-content/uploads/2019/08/Managerment-of-Nontraditional-Security-A-New-Approach-Hoang-Dinh-Phi.pdf.

Library of Law. (2004). *The National Security Law 2004.* https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-An-ninh-Quoc-gia-2004-32-2004-QH11-52656.aspx

Martinus, M., & Aridati, I. Z., (2024). *Tackling technology abuse and human trafficking in ASEAN.* https://eastasiaforum.org/2024/02/20/tackling-technology-abuse-and-human-trafficking-in-asean/

Mehra, A. V., & Sharif, G. (2024). Legal Framework and International Cooperation in Combatting Human Trafficking. *International Journal for Multidisciplinary Research* (IJFMR), *6*(2), 1-15.

Magramo, K. (2024). *Gangs netting up to $3 trillion a year as Southeast Asia human trafficking becomes a global crisis, Interpol says.* Https://edition.cnn.com/2024/03/28/asia/southeast-asia-interpol-scam-human-trafficking-crime-intl-hnk/index.html

Ngui, Y. (2024). *Southeast Asia human trafficking now a global crisis, Interpol says.* Https://www.reuters.com/world/asia-pacific/southeast-asia-human-trafficking-now-global-crisis-interpol-says-2024-03-27/

Security Television. (2024). *The effectiveness of the prevention of human trafficking over the border Vietnam-Cambodia.* https://antv.gov.vn/phap-luat-3/hieu-qua-phong-chong-toi-pham-mua-ban-nguoi-qua-tuyen-bien-gioi-viet-nam-campuchia-417CF9179.html

The United Nation's Office on Drug and Crime. (UNODC). *Human Trafficking FAQs.* https://www.unodc.org/unodc/en/human-trafficking/faqs.html

UNDP. (1994). *The UNDP's 1994 Human Development Report (1994).* https://hdr.undp.org/content/human-development-report-1994

United Nations – Office on Drugs and Crime. (UNODC). (2003). *Signatories to the United Nations Convention against Transnational Crime and its Protocols.* https://www.unodc.org/unodc/en/treaties/CTOC/signatures.html & https://treaties.un.org/pages/ViewDetails.aspx?src=TREATY&mtdsg_no=XVIII-12-a&chapter=18&clang=_en

US State Government. (2024). *2024 Trafficking in Persons Report: Vietnam.* https://www.state.gov/reports/2024-trafficking-in-persons-report/vietnam/